

giảm thể tích máu : Sốc do bóng, chảy thương nặng, phẫu thuật, pha loãng máu.

Liệu dùng : Lúc đầu, truyền chậm 10-20ml/
Theo rời bệnh nhân phòng phản ứng có thể
xảy ra. Liệu dùng tùy thuộc vào tình trạng
bệnh. Tăng thể tích huyết tương khoảng
250-1000ml/ngày. Pha loãng máu
500ml/ngày, kéo dài vài ngày. Tốc độ truyền
tối thiểu 30 phút/500ml (cấp cứu có thể
nhanh hơn).

Chống chỉ định : Quá tải thể tích tuần hoàn,
suy tim ứ huyết, suy thận mạn kèm dài ít
hoặc vô niệu, creatinin máu 2mg/dl, cơ địa dễ
xuất huyết, quá mẫn cảm với thuốc.

Lưu ý: Có thể có phản ứng phản vệ (sau
vài phút tiêm) : *ngứa dữ dội, đỏ bừng
mặt, dữt hơi do như chẹn họng, sau đó
nôn quắn bụng, rút cơ bụng, tim nhanh,
tut HA, ngừng tim, ngừng thở*. **Xử trí :**
*ngừng thuốc, lưu kim cho epinephrin và
theo dõi mạch., HA. Dùng glucocorticoid
IV và kháng histamin và thực hiện các
nguyên tắc cấp cứu thông thường.*

**Chỉ dùng cho người mang thai hoặc nuôi
con bú khi thật cần thiết.**

Coi chừng : quá tải tuần hoàn, thận
trọng với người có bệnh về đông máu,
suy tim, phù phổi, suy thận, bệnh gan
mạn.

**Cần cẩn đối diện giải (bỏ xung điều trị),
và thành phần máu (hồng cầu, huyết
sắc tố, nồng độ protein...),**

Tương tác : *Làm thay đổi các thông số hóa
lâm sàng.*

*Tránh trộn với thuốc khác (có thể có
tương kỵ mắt thường không nhìn thấy).
Dùng với aminoglycosid tăng tác dụng
độc trên thận.*

Tác dụng phụ : Có thể bị sốc phản vệ (cần
cố phương tiện cấp cứu)

Ngứa (pha loãng máu)
*Amylase huyết thanh tăng cao, trớ lại
bình thường sau 3- 5 ngày sau khi ngừng
thuốc.*

Dùng liều cao tăng nguy cơ chảy máu.

Relvene (Pháp)

Dạng thuốc : Gel ống 60g bôi tại chỗ 2%.
Gói bột 1g 0-(β-hydroxyethyl)-rutosid.

Tác dụng : Che chở mạch.

Chỉ định : Suy tĩnh mạch- bạch huyết, rối
loạn chức năng (chân nặng, dị cảm, co thắt,
đau nhức), phù.

Liệu dùng : Ngày bôi 3-4 lần hoặc uống 1-2
gói pha vào ít nước.

Chống chỉ định : Phụ nữ có thai hoặc nuôi
con bú.

Rennie (Pháp)

Dạng thuốc : Viên nén có:

Calci carbonat	680mg
Mg carbonat nặng	80mg

Tác dụng : Chống acid dịch vị, giảm đau dạ
dày.

Chỉ định : Các chứng đau do tăng acid dịch
vị ở dạ dày, thực quản, tá tràng.

Liệu dùng : Ngày uống 3-4 lần x 1-2 viên vào
sau bữa ăn hoặc lúc đau. Ngậm hoặc nhai
viên thuốc.

Lưu ý : Người bị suy thận. Thuốc có
475mg saccharose, nên lưu ý không dùng
với người bị dài đường.

*Dùng cách xa cách thuốc khác 2 giờ.
Không dùng cùng lúc với indometacin và
phosphor do tương tác.*

Renutryl (Pháp)

Dạng thuốc : Hộp 375ml chất lỏng có : (500
Kcal= 2092 Kjoule).

Retinol hay axerophthol	833 dvqt
Riboflavin	3mg
Thiamin nitrat	2,89mg
Ca pantothenat	9,49mg
Pyridoxin HCl	2,1mg
Vitamin C	75mg
Nicotinamid	10,5mg
MgO nặng	34,88mg
MnSO ₄	3,94mg
KCl	600mg
FeSO ₄	15mg
Na caseinat	12,5mg
Các lactoprotein	21,5mg
Các men lactic xáy khô	3g
Chất béo	4g
Dầu đậu nành	4g
Dịch thủy phân tinh bột	45g
Đường	20g

Tác dụng : Chế phẩm thực chế dùng làm
thức ăn lỏng (uống qua ống thông) có 24%
protein, 20% các lipid, 56% glucid.

Chỉ định : Dinh dưỡng trị liệu nội- ngoại
khoa - hồi sức- chuyên hóa- dinh dưỡng bệnh tại
nhà - dinh dưỡng trước và sau phẫu thuật.

Liệu dùng : Uống với nước, bằng thìa hay
bằng ống thông dạ dày thực quản. Liều thay
đổi từ 1-6 hộp/ngày.

Chống chỉ định : Mẫn cảm với lactose.

Lưu ý : Các ngày đầu nên dùng Renutryl